

Thứ tư, ngày 9 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/6/2021		•	
Tuần 7/6-11/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà giảm của phiên hôm qua duy trì trong phiên sáng những nhanh chóng chuyển thành nhịp hồi phục trong phiên chiều. Dòng tiền đầu tư tăng trở lại khi có 9/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn HSX và sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản giảm mạnh so với phiên hôm trước cho thấy dấu hiệu tâm lý tích cực đang dần trở lại trên thị trường. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ dao động giằng co trong vùng 1330-1350 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: LCG_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.02 điểm**, đóng cửa **1332.90**. HNX-Index **+10.48 điểm**, đóng cửa **316.87**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.00); NVL (+1.77); CTG (+1.51); ACB (+1.31); TCB (+1.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SSB (-0.91); VIC (-0.91); GAS (-0.36); VNM (-0.34); PLX (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,220 tỷ đồng**, **-13.9%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 25,868 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 27.96 điểm. Thị trường có **222** mã tăng, 58 mã tham chiếu và **170** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-640.3 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-515.8 tỷ), DXG (-427.7 tỷ) và NVL (-136.1 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.57 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1332.90**
Giá trị: 24224.68 tỷ **13.02 (0.99%)**
Khối ngoại (ròng): -640.32 tỷ

HNX-INDEX **316.87**
Giá trị: 3618.41 tỷ **10.48 (3.42%)**
Khối ngoại (ròng): -27.57 tỷ

UPCOM-INDEX **87.25**
Giá trị: 1448.82 tỷ **0.85 (0.98%)**
Khối ngoại(ròng): 20.02 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.5	0.60%
Giá vàng	1,889	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	22,990	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	28,001	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,001	0.13%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	6.13%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	71.4	HPG	-515.8
STB	57.7	DXG	-427.7
CTG	57.1	NVL	-136.1
OCB	56.4	GEX	-56.4
HDB	53.5	VND	-37.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 9/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	70.31	0.37%	2.20%	8.40%	70.90%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	72.45	0.32%	1.50%	6.40%	67.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	222.47	0.26%	1.40%	4.80%	71.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1892.65	-0.01%	-0.80%	3.10%	8.53%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.61	-0.02%	-2.00%	1.10%	56.68%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1455.50	-0.10%	3.00%	1.50%	65.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	682.00	-0.44%	-0.80%	-10.50%	27.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.02	-0.76%	-1.50%	-10.50%	3.72%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	219.83	1.09%	1.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.71	1.90%	0.10%	0.90%	43.17%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	159.85	-1.45%	-2.00%	2.30%	46.32%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9964.00	0.64%	-2.70%	-1.30%	72.57%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	785.86	1.20%	-0.90%	-13.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	831.50	1.26%	-1.40%	-12.80%			
Nhôm	USD/ton	2452.50	1.09%	-0.70%	-1.40%	52.76%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	182.63	3.45%	-0.60%	-8.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	116.75	0.99%	1.30%	24.30%	83.57%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 73 US cent hay 1% lên 72.22 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 82 US cent hay 1.2% lên 70.05 USD/thùng. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ sản lượng dầu thô của Mỹ dự kiến giảm 230,000 thùng/ngày trong năm 2021 xuống 11.08 triệu thùng/ngày, giảm ít hơn so với dự báo giảm 290,000 thùng/ngày dự báo trong tháng trước đó. Tồn kho dầu thô của Mỹ đang giảm và được dự báo giảm tuần thứ 3 liên tiếp.
- Ngân hàng Commerzbank cho biết môi trường cung cầu trong thị trường dầu mỏ vẫn thuận lợi, nhu cầu nhiên liệu đang phục hồi mạnh không chỉ ở Mỹ, mà còn ở Châu Âu sau khi dỡ bỏ một phần những hạn chế. Tại Anh, một trong những quốc gia được tiêm chủng nhiều nhất trên thế giới, hiện nay có nhiều nghi ngờ rằng quốc gia này sẽ dỡ bỏ tất cả những hạn chế liên quan tới virus corona như kế hoạch trước đó vào ngày 21/6.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.4% xuống 1,892.33 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,894.4 USD/ounce.
- Chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ công bố vào ngày 10/6 có thể đẩy lên lo sợ rằng Fed sẽ bắt đầu động thái thu hẹp chính sách tiền tệ mở rộng của mình, khiến giá vàng giảm. Chính sách của Fed trong dài hạn có nhiều khả năng được định hình bởi tình trạng của thị trường việc làm Mỹ và sự phục hồi của thị trường này.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên giảm 0.7% xuống 1,149 CNY (179.81 USD)/tấn. Quặng sắt kỳ hạn tháng 7 trên sàn Singapore tăng 3.1% lên 199.85 USD/tấn sau khi trước đó giảm khoảng 2%. Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 1.8% trong khi thép cuộn cán nóng giảm 1.7%.
- Giá quặng sắt giao ngay tại Trung Quốc giảm xuống 203 USD/tấn trong ngày 7/6.
- Tồn kho thép thanh của Trung Quốc đã giảm hơn 40% so với mức đỉnh hồi tháng 3, trong khi dự trữ thép cuộn cán nóng biến động trong 5 tuần qua, theo công ty SteelHome.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 2.45 US cent xuống 1.5770 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London giảm 29 USD hay 1.8% xuống 1,596 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 0.33 US cent lên 17.71 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 6.2 USD hay 1.3% lên 465.5 USD/tấn.

	9/6	% 9/6	8/6	% 8/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1332.90	0.99%	1319.88	-2.86%	-0.59%	5.82%
S&P 500			4227.26	0.02%	0.60%	0.61%
HĐTL S&P500	4228.25	0.06%	4225.80	0.01%	0.52%	0.07%
Shang- hai	3591.40	0.32%	3580.11	-0.54%	-0.16%	4.77%
Euro Stoxx	4093.58	-0.06%	4096.01	-0.04%	0.12%	1.75%

Phân tích kỹ thuật
LCG_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: LCG đang ở trong trạng thái hồi phục trở lại sau khi có quãng thời gian giảm giá trong 3 tháng trước đó. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của LCG nằm tại khu vực xung quanh 13. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 14.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 12.25 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

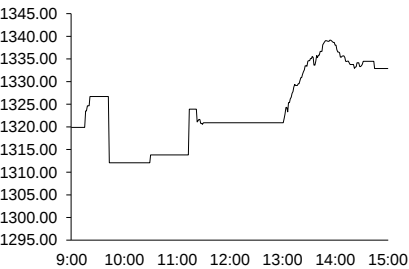
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	4.72%
Ngân hàng	2.55%
Công nghệ Thông tin	1.14%
Ô tô và phụ tùng	0.69%
Tài nguyên Cơ bản	0.63%
Bất động sản	0.60%
Xây dựng và Vật liệu	0.17%
Hóa chất	0.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.01%
Thực phẩm và đồ uống	-0.12%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.16%
Y tế	-0.18%
Dầu khí	-0.41%
Bán lẻ	-0.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.44%
Bảo hiểm	-0.51%
Du lịch và Giải trí	-0.52%
Truyền thông	-1.87%
Viễn thông	-3.23%

Hình 1

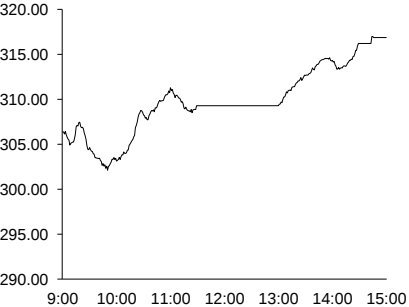
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

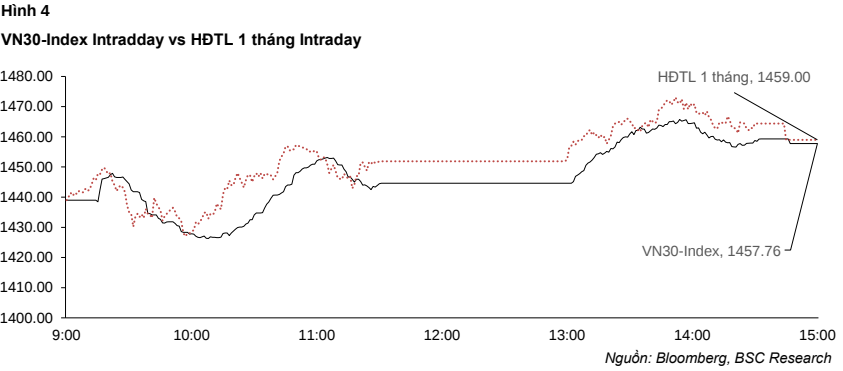
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	21	1	-0.94%	Có thể tiếp tục mua
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	52.6	2	-3.13%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	35	5	-1.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	28.6	6	-0.87%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.4	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	25.6	9	-7.25%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	38.1	12	1.87%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	11.8	13	3.51%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	55.5	20	-4.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	26.45	21	2.40%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	53.6	23	5.10%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.6	36	1.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36	42	1.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	TP	22	14.63%
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	TP	33	14.21%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	6	2.31%	-3.09%	-0.18%	15
Cổ phiếu đã chốt	152	85	13.70%	-8.16%	5.86%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1459.00	2.04%	1.24	13.3%	301,625	6/17/2021	10
VN30F2107	1451.00	1.86%	-6.76	-20.3%	765	7/15/2021	38
VN30F2109	1450.00	1.16%	-7.76	28.0%	151	9/16/2021	101
VN30F2112	1443.30	1.92%	-14.46	-18.8%	143	12/16/2021	192

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +18.79 điểm, lên 1457.76 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, NVL, MBB, STB, HDB, CTG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giảm đầu phiên xuống dưới 1430 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch hồi phục tích cực lên quanh 1460 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2103	8/9/2021	61	2:1	183,600	45.89%	1,400	7,820	8.16%	5,873	1.33	20,800	18,000	29,600
CNVL2003	6/11/2021	2	10:1	1,495,100	31.32%	1,000	7,840	5.95%	4,234	1.85	73,979	63,979	106,300
CHPG2103	7/6/2021	27	2:1	80,600	35.90%	3,900	14,200	4.80%	4,250	3.34	49,800	42,000	50,300
CVPB2015	7/30/2021	51	1:1	34,800	36.48%	5,600	46,000	4.55%	45,972	1.00	31,600	26,000	71,800
CMBB2101	7/6/2021	27	2:1	270,000	36.22%	1,600	7,200	4.50%	6,321	1.14	29,200	26,000	38,550
CTCB2103	8/9/2021	61	2:1	347,900	36.98%	2,900	9,350	3.89%	7,798	1.20	41,300	35,500	50,800
CHPG2105	8/9/2021	61	2:1	227,800	35.90%	3,000	16,300	3.82%	4,474	3.64	48,000	42,000	50,300
CVPB2103	8/9/2021	61	2:1	352,600	36.48%	2,700	17,800	3.49%	17,794	1.00	41,900	36,500	71,800
CHPG2102	7/5/2021	26	1:1	92,200	35.90%	6,600	28,200	3.30%	9,462	2.98	47,600	41,000	50,300
CMBB2010	6/14/2021	5	1:1	135,500	36.22%	4,600	21,610	2.90%	22,560	0.96	20,600	16,000	38,550
CTCB2102	7/6/2021	27	2:1	267,500	36.98%	2,300	8,200	2.24%	7,463	1.10	40,600	36,000	50,800
CTCB2101	10/5/2021	118	1:1	126,200	36.98%	5,000	23,700	2.16%	9,960	2.38	36,000	31,000	50,800
CSTB2010	6/11/2021	2	2:1	500,000	45.89%	1,100	9,060	1.12%	8,802	1.03	14,199	11,999	29,600
CTCB2012	7/30/2021	51	1:1	89,000	36.98%	5,400	28,900	0.35%	28,946	1.00	27,400	22,000	50,800
CSTB2104	8/27/2021	79	1:1	136,000	45.89%	4,000	10,600	0.00%	7,213	1.47	26,900	22,900	29,600
CHPG2106	8/27/2021	79	2:1	116,300	35.90%	4,100	13,480	-0.22%	1,821	7.40	58,400	50,200	50,300
CHPG2108	8/12/2021	64	5:1	403,500	35.90%	1,200	5,590	-0.36%	122	45.82	48,124	43,713	50,300
CVHM2008	6/11/2021	2	10:1	1,554,200	31.03%	1,400	1,610	-2.42%	1,724	0.93	102,888	88,888	106,100
CVHM2106	8/12/2021	64	10:1	476,400	31.03%	1,300	3,440	-3.10%	175	19.65	131,668	118,668	106,100
CVIC2005	6/11/2021	2	10:1	993,600	32.31%	1,500	1,230	-20.13%	1,196	1.03	121,868	106,868	118,800
Tổng				7,699,200	36.55%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 9/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CFPT2101 và CSTB2101 tăng mạnh lần lượt là 18.42% và 12.30%. Trái lại, CVIC2005 và CPNJ2103 giảm mạnh lần lượt là -20.13% và -18.60%. Giá trị giao dịch giảm -0.73%. CNVL2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.59% thị trường.
- CVJC2006, CVHM2008, CMBB2010, CVPB2101, và CVPB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2010, CVPB2015, và CHPG2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	136.4	0.3%	0.9	2,820	4.4	9,051	15.1	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.8	-0.2%	1.0	947	1.8	4,974	19.3	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	56.4	-1.1%	1.5	1,820	2.6	2,548	22.1	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	35.6	0.0%	0.5	346	0.3	3,809	9.3	1.1	54.5%	12.2%
VIC	Bất động sản	118.8	-0.8%	0.7	17,471	9.4	2,174	54.6	5.0	14.2%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.7	0.2%	1.1	3,132	10.2	1,175	27.0	2.4	30.1%	9.3%
VHM	Bất động sản	106.1	0.8%	1.0	15,175	15.3	7,874	13.5	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	24.1	-6.9%	1.3	543	45.1	(61)		1.9	32.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	46.7	6.1%	1.5	1,327	41.7	2,776	16.8	2.6	47.0%	16.2%
VCI	Chứng khoán	84.5	6.3%	1.0	612	12.2	5,703	14.8	2.8	21.6%	22.1%
HCM	Chứng khoán	38.2	2.8%	1.6	507	12.9	2,462	15.5	2.4	47.6%	16.4%
FPT	Công nghệ	81.7	1.1%	0.9	3,224	12.5	4,103	19.9	4.4	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	82.2	0.9%	0.4	978	0.1	5,165	15.9	4.8	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	87.4	-0.8%	1.4	7,273	3.3	3,946	22.2	3.3	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	53.8	-1.6%	1.5	2,909	9.5	2,915	18.5	2.9	16.6%	16.8%
PVS	Dầu khí	28.4	5.2%	1.7	590	24.4	1,375	20.6	1.1	8.5%	5.4%
BSR	Dầu khí	19.3	4.9%	0.8	2,602	24.9	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.3	-1.1%	0.3	542	0.0	5,647	16.9	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	20.2	-0.7%	0.7	343	1.3	1,928	10.4	1.0	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.9	0.6%	0.6	412	1.6	1,122	16.0	1.5	3.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	102.0	2.0%	1.1	16,448	10.5	5,709	17.9	3.7	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	45.5	1.5%	1.3	7,948	8.7	2,048	22.2	2.3	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	50.5	3.1%	1.3	8,175	32.1	4,765	10.6	2.1	25.2%	20.9%
VPB	Ngân hàng	71.8	0.4%	1.2	7,663	103.9	4,626	15.5	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	38.6	3.4%	1.2	4,691	50.2	3,612	10.7	2.1	22.1%	21.6%
ACB	Ngân hàng	42.5	5.6%	1.0	3,989	22.6	3,992	10.6	2.4	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	56.6	-0.2%	0.7	201	0.3	6,160	9.2	1.9	82.4%	20.3%
NTP	Nhựa	48.5	3.2%	0.5	248	0.6	3,988	12.2	2.1	19.5%	17.8%
MSR	Tài nguyên	21.3	-0.9%	0.7	1,018	0.6	39	546.2	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	50.3	0.6%	1.1	9,782	89.2	4,056	12.4	3.4	27.0%	31.3%
HSG	Thép	43.2	2.2%	1.4	835	24.4	5,405	8.0	2.4	8.4%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	89.1	-0.7%	0.7	8,096	11.7	4,682	19.0	5.9	54.8%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	156.9	0.1%	0.8	4,375	0.6	7,561	20.8	5.1	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	104.5	0.5%	0.9	5,337	4.8	1,281	81.6	7.6	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	21.0	-0.9%	1.2	563	1.6	1,131	18.6	1.6	8.7%	8.7%
ACV	Vận tải	71.1	2.2%	0.8	6,730	0.4	577	123.2	4.1	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	115.3	-1.6%	1.1	2,715	3.2	2,256		4.1	18.4%	8.3%
HVN	Vận tải	27.4	0.9%	1.7	1,687	1.2	(9,327)		26.9	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	39.0	1.0%	1.0	511	3.3	1,246	31.3	1.9	40.6%	6.2%
PVT	Vận tải	20.0	2.3%	1.3	281	9.1	2,281	8.7	1.3	12.8%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	98.7	0.0%	1.0	687	1.8	8,479	11.6	3.7	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.0	-2.9%	0.4	564	0.1	1,604	18.0	2.0	6.1%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	-0.6%	0.9	260	0.3	1,566	10.0	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	61.8	0.3%	1.0	200	0.8	3,352	18.4	0.6	44.4%	3.0%
CII	Xây dựng	18.8	-1.1%	0.5	195	3.1	56	337.9	0.9	26.1%	0.2%
REE	Điện	55.5	-0.9%	-1.4	746	0.8	5,770	9.6	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.6	1.2%	-0.4	213	0.5	2,371	10.8	1.2	11.0%	13.2%
POW	Điện	12.1	0.0%	0.6	1,232	7.7	1,037	11.7	1.0	3.1%	8.6%
NT2	Điện	19.3	0.0%	0.5	242	0.3	1,872	10.3	1.3	15.0%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.0	1.9%	1.0	715	11.5	1,639	21.4	1.6	19.9%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	50.2	-2%	0.9	2,259	0.0			3.2	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	102.00	2.00	2.00	2.39MLN
NVL	106.30	6.05	1.77	3.53MLN
CTG	50.50	3.06	1.51	14.89MLN
ACB	42.45	5.60	1.31	12.57MLN
TCB	50.80	2.63	1.23	22.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SSB	-0.01	-0.91	2.64MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.91	1.81MLN	607060
GAS	0.00	-0.36	866600	373600
VNM	0.00	-0.34	3.01MLN	192700
PLX	0.00	-0.31	4.05MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DBT	18.35	7.00	0.01	1.44MLN
SMA	9.95	6.99	0.00	21600
VMD	36.30	6.92	0.01	68700
TGG	5.10	6.92	0.00	546400
SJS	52.70	6.90	0.11	337400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSH	29.20	-7.30	-0.08	262400
ABS	38.60	-6.99	-0.06	140400
DXG	24.10	-6.95	-0.25	42.87MLN
MDG	11.60	-6.83	0.00	10300
FTM	3.16	-6.78	0.00	1.03MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	31.30	7.93	5.06	29.91MLN
VND	57.60	9.92	1.23	7.27MLN
BAB	27.10	4.23	1.00	287200
SHS	36.80	7.92	0.76	10.73MLN
PVS	28.40	5.19	0.48	20.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PHP	20.50	-2.38	-0.02	85000
VHL	23.70	-6.32	-0.02	3800
SIC	20.20	-9.82	-0.02	100
PMC	68.30	-5.14	-0.02	2700
PLC	26.00	-2.26	-0.02	345200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

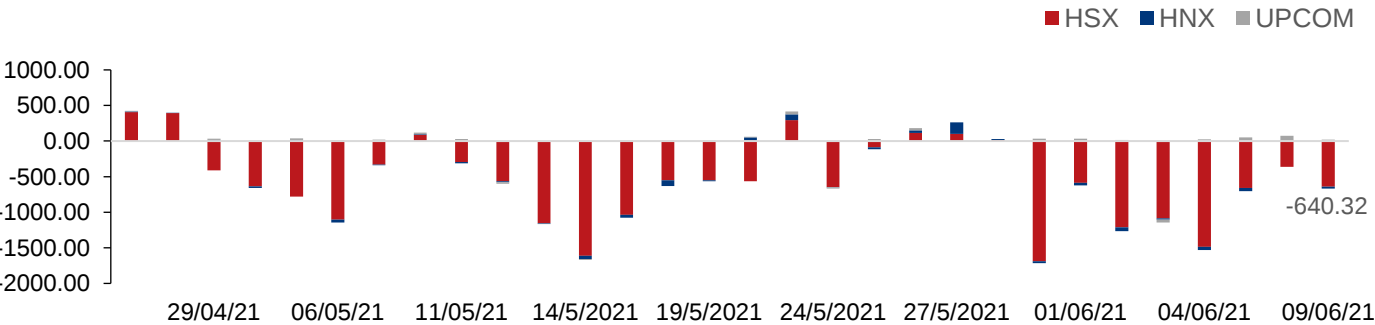
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APS	14.30	10.0	0.05	2.06MLN
WSS	8.80	10.0	0.03	205900
ECI	35.30	10.0	0.00	100
VND	57.60	9.9	1.23	7.27MLN
BSI	20.00	9.9	0.08	1.81MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMC	18.00	-10.00	-0.01	300
SIC	20.20	-9.82	-0.02	100
PPE	13.20	-9.59	0.00	8900
LM7	4.80	-9.43	0.00	100
PDC	4.90	-9.26	0.00	100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	42.5	3,992	10.6	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.1	577	123.2	4.1	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.9	600	16.5	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.4	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.0	3,834	7.3	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	50.5	4,765	10.6	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.9	1122.1	16.0	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	71.0	5,505	12.9	2.9	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	114.1	7,653	14.9	3.9	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.2	1,928	10.4	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	26.5	2,379	11.1	1.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	24.1	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	81.7	4,103	19.9	4.4	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.3	1,091	26.9	2.4	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.3	7,082	6.0	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	50.3	4,056	12.4	3.4	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	43.2	5,405	8.0	2.4	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.7	1,566	10.0	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.1	-1,032		0.6	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.0	1,639	21.4	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	38.9	2,140	18.2	2.6	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	31.3			2.2	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	38.7	3,258	11.9	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	55.6	5,257	10.6	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	104.5	1,281	81.6	7.6	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	136.4	9,051	15.1	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.2	4,008	9.5	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.0	2,120	12.3	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.8	4,974	19.3	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.7	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.9	0	155.6	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.4	1,375	20.6	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	156.9	7,561	20.8	5.1	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.0	1,131	18.6	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	36.3	8272.5	4.4	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.8	4,074	12.5	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	102.0	5,709	17.9	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.5	4,166	11.2	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.9	570	31.4	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	41.4	3,837	10.8	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	106.1	7,874	13.5	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	89.1	4,682	19.0	5.9	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	71.8	4,626	15.5	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.7	1,175	27.0	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	95.9	4,060	23.6	6.6	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639